

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 09-10-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Lê Đình Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1978 - Xin vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1979 - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B H, xã P B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh R chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M Q Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp B H, xã B T, huyện Trảng Bàng (nay là xã P B, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9-2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau, giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 9-2023 đến nay nhưng vẫn sống chung nhà. Từ khi ly thân, chị và anh R không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh R.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 14-8-2008; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 20-10-2012 và Nguyễn Quang H2, sinh ngày 19-4-2014, hiện ba con đang sống chung nhà với vợ chồng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh Nguyễn Văn R đến Tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh R không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh R.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn R.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 14-8-2008; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 20-10-2012 và Nguyễn Quang H2, sinh ngày 19-4-2014 cho chị Phạm Thị Hồng N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn R vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M Q Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 9-2023 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau, giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh R đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh R đều không đến, thể hiện anh R không có thiện chí hàn gắn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh R trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh R theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh R có 03 con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 14-8-2008; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 20-10-2012 và Nguyễn Quang H2, sinh ngày 19-4-2014. Các con hiện đang sống chung với vợ chồng, nay chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hỏi ý kiến cháu Quốc H, Minh H1 và Quang H2, cả ba cháu đều có nguyện vọng được theo sống với chị N. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử giao ba con chung cho chị N được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng N về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn R.

Chị Phạm Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 14-8-2008; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 20-10-2012 và Nguyễn Quang H2, sinh ngày 19-4-2014 cho chị Phạm Thị Hồng N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Anh R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014897 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị N, anh R biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã M Q Đ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc